

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-PT

Ngày: 06 - 8 - 2020

“V/v: tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên

Trong các ngày 03 tháng 7 và ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLPT – DS ngày 07/02/2020 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2019/DS - ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 608/2020/QĐ - PT ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Liên H, sinh năm 1962; địa chỉ: đường N, tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hồ L, Luật sư Văn phòng luật sư H - Đoàn Luật sư Quảng Bình; địa chỉ: xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa ngày 03/7/2020, vắng mặt tại phiên tòa ngày 06/8/2020.

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1977; địa chỉ: đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ hiện nay: tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1959; địa chỉ: đường N, tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự tại Quyết định số 13/2016/QĐST-VDS ngày 30/9/2016.

Người giám hộ đương nhiên cho ông Nguyễn Văn H1: Bà Hoàng Liên H, sinh năm 1962 là vợ ông H1, bà H có mặt.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Anh T là bị đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Liên H trình bày:*

Bà H và ông Nguyễn Anh T có mối quan hệ quen biết nhau, làm ăn với nhau nên ông T vào nhà bà H đặt vấn đề vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Do chỗ chị em thân tình nên khi ông T mượn tiền, mặc dù tại thời điểm đó bà không có đủ tiền nên bà đã huy động tiền anh chị em trong gia đình để cho ông T mượn. Ngày 05/10/2012 ông T đã viết giấy mượn tiền của bà với số tiền 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng). Khi ông T mượn thì có nói với bà H là cho mượn ít hôm đáo hạn ngân hàng rồi vay lại trả cho bà. Nhưng từ đó đến nay bà đã nhiều lần đòi ông T trả tiền nhưng ông T không trả, vì vậy bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà số tiền nợ gốc 9.000.000.000 đồng (9 tỷ đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Việc chuyển khoản 9 tỷ đồng cho ông T do chồng bà ông Nguyễn Văn H1 thực hiện qua tài khoản Ngân hàng Hợp tác xã, ông H1 chuyển tiền cho ông T vào tài khoản nào bà không biết. Về văn bản thỏa thuận tại Tòa án Đồng Hới, bà và ông T xác nhận nợ đến tại thời điểm 30/8/2017 còn nợ 500 triệu đồng là trong khoản nợ 4,6 tỷ đồng mà bà khởi kiện, không liên quan đến khoản nợ 9 tỷ đồng. Nay bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T trả nợ 9 tỷ đồng cho bà, nếu ông T đồng ý trả ngay cho bà khoảng 2 tỷ đồng thì bà đồng ý xóa hết số nợ còn lại.

** Tại bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị đơn – ông Nguyễn Anh T trình bày:* từ năm 2010 đến năm 2014 ông có quen biết làm ăn với vợ chồng bà H, lúc đó ông Nguyễn Văn H1 (chồng bà H) là Giám đốc Quỹ tín dụng, bà H làm kế toán Quỹ tín dụng (nay là Ngân hàng H - Chi nhánh Quảng Bình). Các năm đó ông có mượn của bà H một số tiền nhưng ông đã trả hết, do tin tưởng chị em với nhau nên ông không thu hồi giấy nợ và cũng có một số giấy tờ viết mượn tiền, ký xong nhưng không thực hiện, không nhận tiền. Qua thời gian dài bà H khởi kiện đòi nợ ông dựa vào những giấy tờ củ để đòi. Nay bà H kiện đòi nợ ông 9 tỷ đồng, ông không nhất trí với lý do: ngày 30/8/2017 ông và bà H đã đối chiếu và xác nhận công nợ của hai bên đến ngày 30/8/2017 là còn nợ 500.000.000 đồng và ông đã thanh toán hết số tiền 500.000.000 đồng cho bà H, thậm chí ông còn cho thêm bà H 10 triệu đồng nữa. Vì thế giữa ông và bà H không có phát sinh thêm khoản nợ nào nữa, ông đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản án số: 40/2019/DS - ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39; 91, 147, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 473, 474 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Liên H

2. Buộc ông Nguyễn Anh T phải trả cho bà Hoàng Liên H số tiền 9.000.000.000 đồng

Từ ngày 21/12/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng ông Nguyễn Anh T phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

3. Về chi phí giám định: căn cứ khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự ông Nguyễn Anh T phải chịu nộp chi phí giám định là 2.520.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Anh T phải chịu nộp số tiền 117.000.000 đồng.

Trả lại cho bà Hoàng Liên H số tiền 58.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/01/2020 ông T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xem xét.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền 9 tỷ đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn bà Hoàng Liên H khởi kiện đòi lại tài sản đối với ông Nguyễn Anh T có địa chỉ tại đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, nên Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật; Đơn kháng cáo của ông T là bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm;

Ngày 04/6/2020 mở phiên tòa xét xử phúc thẩm nhưng do nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa; ngày 03/7/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiếp tục mở phiên tòa, quá trình tranh tụng do cần phải thu thập một số tài liệu có liên quan tại cơ quan điều tra Công an tỉnh theo yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa và ấn định phiên tòa mở lại vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 31/7/2020, tuy nhiên phía bị đơn ông Nguyễn Anh T có đơn xin hoãn phiên tòa vì công việc đột xuất, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa; ngày 06/8/2020 Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa, tại phiên tòa Luật sư Hồ Lý H1 là người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn vắng mặt, nguyên đơn bà Hoàng Liên H đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt luật sư; đối với Thư ký phiên tòa, tại phiên tòa ngày 06/8/2020 bà Trần Thị Nam thư ký chính thức do điều kiện không thể tiến hành tố tụng được, nên Hội đồng xét xử thay thư ký dự khuyết là bà Phan Thị Liên, đại diện Viện kiểm sát và các đương sự không có ý kiến gì, nhất trí với sự thay đổi thư ký phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định phiên tòa vẫn được tiến hành để xét xử vụ án.

Về xác định người tham gia tố tụng: Trong vụ án này theo bà H khai việc thực hiện chuyển số tiền 09 tỷ đồng cho ông T đều do ông Nguyễn Văn H2 chồng của bà thực hiện nhưng cấp sơ thẩm không xem xét làm rõ để đưa ông H2 vào tham gia tố tụng với tư cách là đồng nguyên đơn hoặc là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bỏ sót người tham gia tố tụng, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*...Trường hợp việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*" với việc bỏ sót người tham gia tố tụng ở trên có thể làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự là vi phạm thủ tục tố tụng dân sự, tuy nhiên ông Nguyễn Văn H2 đã bị Tòa án có thẩm quyền tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự (Quyết định số 13/2016/QĐST-VDS ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới - BL: 155, 156) trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, hơn nữa theo quy định tại Điều 53 Bộ luật Dân sự về người giám hộ đương nhiên của người mất năng lực hành vi dân sự "*1...nếu chồng là người mất năng lực hành vi dân sự thì vợ là người giám hộ*". Như vậy ở đây bà Hoàng Liên H (là vợ ông H2) nên là người giám hộ đương nhiên cho ông H2, mọi giao dịch của người mất năng lực hành vi dân sự đều do bà H thực hiện, do đó việc hủy án sơ thẩm để xét xử lại do không đưa ông Nguyễn Văn H2 vào tham gia tố tụng là không cần thiết.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H khởi kiện đòi nợ ông Nguyễn Anh T số tiền 09 tỷ đồng trên cơ sở căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 05/10/2012, tuy nhiên việc giao nhận tiền thì bà H không biết mà do ông Nguyễn Văn H2 chồng của bà H trực tiếp thực hiện với ông Nguyễn Anh T, bà H không có chứng cứ gì chứng minh cho việc giao nhận số tiền 09 tỷ đồng.

Nhằm làm rõ giấy mượn tiền ngày 05/10/2012 có phải do ông T viết và ký hay không, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã trưng cầu giám định chữ ký

của ông T theo yêu cầu của ông T. Tại Kết luận giám định số 914/PC09 (GD) ngày 29/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Quảng Bình kết luận *"Chữ ký đứng tên Nguyễn Anh T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (giấy mượn tiền ngày 05/10/2012) so với chữ ký của Nguyễn Anh T trên các tài liệu mẫu so sánh từ M1 đến M7 (chữ ký tại biên bản hòa giải, bản tự khai...) là do một người ký ra"*. Như vậy về mặt hình thức thì chữ ký trên giấy mượn tiền ngày 05/10/2012 đúng là chữ ký của ông T, tuy nhiên việc ông T có nhận đủ số tiền 09 tỷ đồng tại bà H, ông Hải như đã viết trong giấy hay không thì phải cần xem xét lại, bởi theo quy định tại Điều 471, 472, 473 Bộ luật Dân sự năm 2005 *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay...", "Quyền sở hữu đối với tài sản vay: Bên vay trở thành chủ sở hữu tài sản vay kể từ thời điểm nhận tài sản đó", "Nghĩa vụ của bên cho vay: Bên cho vay có các nghĩa vụ sau đây: Giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận"*, bà H không chứng minh được là vợ chồng bà đã giao đủ số tiền 09 tỷ đồng cho ông T. Theo lời trình bày của ông T, do mối quan hệ trong làm ăn nên ông đã viết rất nhiều giấy mượn tiền của bà H nhưng không hề nhận tiền, thậm chí ông T khai tại cơ quan điều tra có mượn của bà H số tiền 09 tỷ đồng để trả nợ vốn góp của các cá nhân trong công ty là theo yêu cầu của ông H2, bà H bảo khai như vậy nhằm để trốn trách nhiệm của ông H2 đối với số tiền trên;

Bà H thì cho rằng việc ông T vay tiền bà để đáo hạn Ngân hàng và việc giao số tiền 09 tỷ đồng cho ông T bà không thực hiện mà thông qua chồng bà là ông Nguyễn Văn H2 thực hiện việc chuyển tiền, tại thời điểm cho ông T mượn tiền chồng bà là ông Nguyễn Văn H2 đang làm Giám đốc Quỹ tín dụng nay là Ngân hàng H - Chi nhánh Quảng Bình, mọi thủ tục đều do chồng bà thực hiện nhưng bà không biết ông H2 chuyển tiền cho ông T khi nào và bà cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, nguồn tiền để cho ông T mượn là bà huy động từ bà con nội ngoại cũng như thế chấp nhà cửa của gia đình bà, những người thân của vợ chồng bà không thông qua vợ, chồng họ mà tự mình cho bà mượn một cách kín đáo. Nay ông T chưa trả cho bà nên bà chưa có điều kiện trả cho họ, do đó bà không thể nói ra được vì sẽ làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình họ, mặt khác có những khoản chồng bà vay mượn bà cũng không biết (trích bản ý kiến trình bày của bà Hoàng Liên H viết ngày 25/3/2020 gửi cho Tòa án - BL: 154), Tòa án yêu cầu bà H cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến khoản tiền 09 tỷ đồng mà bà huy động từ bà con cũng như việc thế chấp nhà cửa của vợ chồng bà nhưng bà H không cung cấp được về nguồn gốc số tiền 09 tỷ đồng nói trên. Lời trình bày của bà H cũng mâu thuẫn với lời khai của ông T tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình ngày 17/3/2013 (cơ quan điều tra đang điều tra vụ ông Nguyễn Văn H2 phạm tội Cố ý làm trái gây thiệt hại kinh tế nghiêm trọng).

Theo yêu cầu của bà H, ngày 25/6/2020 Tòa án nhân dân tỉnh có công văn đề nghị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình cung cấp sao y lời khai của ông Nguyễn Anh T có liên quan đến số tiền 09 tỷ đồng ông mượn của bà H. Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2013 ông T khai tại cơ quan điều tra, số tiền ông T mượn bà H 09 tỷ đồng là để trả nợ cho các thành viên góp vốn trong công ty đang nợ Quỹ tín dụng (nay là Ngân hàng H - Chi nhánh Quảng Bình), lời khai này

của ông T khác hoàn toàn với lời khai của ông T tại phiên tòa dân sự sơ thẩm và phúc thẩm đồng thời mâu thuẫn với lời khai của bà H là ông T vay để đáo hạn Ngân hàng, bởi theo lời khai của ông T thì tại thời điểm cơ quan điều tra đang khởi tố điều tra vụ án hình sự đối với ông Nguyễn Văn H2 (chồng bà H), do thân tình là anh chị em trong quan hệ làm ăn nên ông H2, bà H yêu cầu ông T khai số tiền 09 tỷ đồng là do ông T mượn của bà H. Qua xác minh tại Ngân hàng H - Chi nhánh Quảng Bình về những người mà ông T khai mượn số tiền 09 tỷ đồng của bà H để trả cho các thành viên góp vốn trong công ty, tuy nhiên kết quả đều không thể hiện việc bà H hay ông H2 chuyển tiền để trả nợ cho những người đó, tại thời điểm tháng 10/2012 Công ty TNHH TMXD TH Th chỉ có 02 thành viên góp vốn là ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Th chứ không phải là bà Nguyễn Thị Ng, ông Trần V, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn D, bà Hoàng Thị T, mọi khoản vay của cá nhân trên đều do những người đó tự trả nợ cho Quỹ tín dụng. Như vậy trước đó, việc bà H cho rằng ông T khai tại cơ quan điều tra có nợ bà 09 tỷ đồng, đây là tài liệu của cơ quan điều tra đang trong quá trình điều tra vụ án hình sự thì tại sao bà H biết, hơn nữa bà H cũng không chứng minh được chỉ đến khi Tòa án đề nghị, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình cung cấp thì mới có tài liệu này, điều này chứng tỏ sau khi làm việc với cơ quan điều tra, ông T đã trao đổi lại nên bà H mới biết ông T khai như thế, nội dung này phù hợp với lời khai của ông T tại phiên tòa.

Đối với các giao dịch do ông Nguyễn Văn H2 thực hiện việc chuyển tiền cho ông T mượn trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 10/2012 qua xác minh thì Ngân hàng H - Chi nhánh Quảng Bình trả lời bằng Công văn số 212/CV-NHHTQB ngày 17/3/2020 là *"Qua quá trình trích xuất dữ liệu và chứng từ lưu trữ tại Ngân hàng thời điểm từ tháng 9 - tháng 10/2012 Ngân hàng nhận thấy không có bất kỳ phát sinh giao dịch nào liên quan đến việc chuyển số tiền 09 tỷ đồng giữa ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Anh T (Công ty TNHH KDTH Th)"*.

Xét giấy mượn tiền ngày 05/10/2012 cũng có mâu thuẫn với các chứng khác đó là biên bản thỏa thuận ngày 30/8/2017 giữa bà H với ông T *"...là qua đối chiếu công nợ đến ngày 30/8/2017 ông T chỉ còn nợ bà H số tiền 500 triệu đồng..."* mặc dù bà H cho rằng việc thỏa thuận đối chiếu công nợ trên là khoản nợ mà bà khởi kiện đòi 4,6 tỷ đồng chứ không phải là cả khoản nợ 09 tỷ đồng; Tòa án tỉnh triệu tập bà H đến làm việc thì bà H trình bày tại biên bản làm việc ngày 06/3/2020 (BL: 148) bà H khẳng định việc chuyển số tiền 09 tỷ đồng cho ông T mượn là do ông H2 (chồng bà) thực hiện, chứ bà không trực tiếp giao tiền cho ông T, bà không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì, cũng tại buổi làm việc ngày 06/3/2020 bà H có đưa ra đề nghị nếu ông T đồng ý trả đủ cho bà 02 tỷ đồng thì bà sẽ xóa hết nợ. Nếu đúng thực chất ông T có mượn và nhận tiền của bà H nhưng với số tiền mượn rất lớn (09 tỷ đồng) như vậy mà bà H đề nghị chỉ lấy 02 tỷ đồng và không yêu cầu tính lãi, điều này cần phải xem xét sự việc một khách quan, mặc dù giấy mượn tiền do ông T ký nhưng không có cơ sở để xác định việc ông T đã nhận đủ số tiền 09 tỷ đồng từ bà H, ông H2 hay không, bà H không chứng minh được ông T đã nhận đủ số tiền trên, hơn nữa ông T cũng cho rằng do quan hệ làm ăn nên ông có viết rất nhiều giấy mượn tiền nhưng không nhận tiền; đối chiếu với các giấy mượn tiền trước, ông T có viết là *"tôi tên Nguyễn Anh T có mượn của chị Hoàng Liên H..."*,

"...nhận của anh Nguyễn Văn H2 và chị Hoàng Liên H số tiền...", trong khi tại giấy mượn ngày 05/10/2012 thì ghi "...mượn của chị H..." không có họ và tên lót đệm nên không thể xác định được đó có phải là bà Hoàng Liên H hay là người tên H nào.

Tuy lời trình bày của nguyên đơn xác định biên bản thỏa thuận xác nhận công nợ ngày 30/8/2017 là giải quyết đối với khoản nợ 4,6 tỷ đồng mà bà H khởi kiện ông T và được Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý giải quyết không liên quan gì đến khoản nợ 09 tỷ đồng trong vụ án này, nhưng qua xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ thấy rằng nội dung của biên bản thỏa thuận nói trên không nêu cụ thể là đảm bảo cho khoản nợ 4,6 tỷ đồng mà ghi "Điều 1. Xác nhận nợ: sau khi đối chiếu, 2 bên xác nhận đến ngày 30/8/2017 ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1977 và Công ty TNHHXDGT Đ (trước đây là Công ty TNHHXDTH Th) còn nợ bà Hoàng Liên H, sinh năm 1962...số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); Điều 3. Cam kết của bên B (bà H)...xóa bỏ nghĩa vụ trả nợ cho bên A khi bên A trả hết nợ cho bên B..." và bên A ông T đã trả đủ số tiền 500 triệu đồng nói trên cho bà H, thậm chí là còn cho bà H thêm 10 triệu đồng nữa (chuyển khoản qua Ngân hàng - BL số 40). Điều đó chứng tỏ rằng ông T đã không còn nợ gì bà H cả.

Từ phân tích, nhận định ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn căn cứ vào giấy mượn tiền 09 tỷ đồng ngày 05/10/2012 để khởi kiện ông Nguyễn Anh T đòi lại tiền cho mượn nhưng không đưa ra thêm bất cứ chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp pháp, do đó án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn trả nợ với số tiền 09 tỷ đồng là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Vì vậy cần sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại số tiền 09 tỷ đồng đối với ông Nguyễn Anh T.

[3] Về án phí dân sự: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Liên H (nguyên đơn) không được chấp nhận nên bà Hoàng Liên H phải chịu nộp 117.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 58.500.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ngày 04/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, bà Hoàng Liên H còn phải nộp tiếp 58.500.000 đồng.

Ông Nguyễn Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu, trả lại số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp cho ông T.

[4] Về chi phí giám định chữ ký: căn cứ khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự ông Nguyễn Anh T phải chịu nộp 2.520.000 đồng, ông T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Anh T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS - ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Áp dụng Điều 471, 472, 473 Bộ luật Dân sự năm 2005,

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Liên H về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Anh T trả nợ số tiền 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng).

2. Án phí:

Nguyên đơn bà Hoàng Liên H phải chịu nộp 117.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 58.500.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000881 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, bà H còn phải nộp tiếp số tiền 58.500.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, ông T được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006263 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Về chi phí giám định: căn cứ khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự ông Nguyễn Anh T phải chịu nộp 2.520.000 đồng, ông T đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (06/8/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tòa Dân sự, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn

